

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2018/HSST
Ngày: 25/01/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thùy Dương - Bí thư huyện Đoàn Điện Biên;
2. Ông Nguyễn Quang Khải - Phó Trưởng phòng LĐ TBXH huyện Điện Biên.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Thiều Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/TLST-HS ngày 30/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-HS ngày 15/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn S; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1994; tại Điện Biên.

Trú tại: Bản T 2, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Nơi ĐKKHKT: Bản T 2, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn P, sinh năm 1973 và bà : Lò Thị X, sinh năm 1975; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính; bị bắt từ ngày 28/7/2017 "có mặt".

2. Họ và tên: Lò Văn P1; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1993; tại Điện Biên.

Trú tại: Đội 12, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Nơi ĐKKHKT: Đội 12, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn H, sinh năm 1968 và bà : Lò Thị H1, sinh năm 1970; có vợ: Lò Thị H2, sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính; bị bắt từ ngày 07/9/2017 "có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn P1:

Ông Hoàng Tiến Ngọ - Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật và bảo trợ tư pháp tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Người bị hại: Quàng Thị Y, sinh ngày 06/12/2000;

Trú tại: Đội 16, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.(có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Quàng Thị H, sinh năm 1993;

Trú tại: Đội 16, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lường Văn P, sinh năm 1973 - Là bố đẻ Lường Văn S (có mặt).

Trú tại: Bản Bản T 2, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại:

Bà Trần Thị Sáu - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/12/2016 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Điện Biên nhận được đơn của chị Quàng Thị Thương là mẹ đẻ của bị hại Quàng Thị Y, sinh ngày 06/12/2000. Tổ giác Lò Văn P1, sinh năm 1993 có hành vi xâm hại tình dục với cháu Y, dẫn đến cháu Y có thai 06 tháng tuổi. Cơ quan CSĐT- Công an huyện Điện Biên đã tiến hành xác minh, điều tra thu thập chứng cứ, trưng cầu giám định pháp y về tình dục đối với bị hại. Ngày 08/3/2017 bị hại đã sinh 01 cháu gái, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Điện Biên trưng cầu giám định gen (ADN) của bị cáo P1 với cháu do bị hại sinh ra. Tại bản kết luận giám định số 1249/C54(TT3), ngày 04/7/2017 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an kết luận: Lò Văn P1 không phải là cha đẻ của cháu bé do bị hại Y sinh ra ngày 08/3/2017.

Cơ quan điều tra tiếp tục lấy lời khai của bị hại Y và khai nhận thêm: Ngoài quan hệ

tình dục với bị cáo P1, trước đó bị hại còn quan hệ tình dục với bị cáo S và đối tượng tên là Q(không biết tuổi, họ và địa chỉ). Cơ quan CSĐT- Công an huyện Điện Biên đã trưng cầu giám định gen của bị cáo S với cháu do bị hại Y sinh ra. Tại Bản kết luận giám định số 2386/C54(TT3), ngày 04/7/2017 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an kết luận: Lường Văn S là cha đẻ của cháu bé do bị hại Y sinh ra ngày 08/3/2017.

Ngày 25/7/2017, Cơ quan CSĐT công an huyện Điện Biên đã có đủ căn cứ ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối bị cáo Lường Văn S.

Ngày 05/9/2017, Cơ quan CSĐT công an huyện Điện Biên đã có đủ căn cứ ra khởi tố bị can đối bị cáo Lò Văn P1.

Nội dung vụ án cụ thể như sau:

Trong khoảng đầu năm 2016, Lường Văn S làm quen với Quàng Thị Y sinh ngày 06/12/2000 trên mạng xã hội facebook. Một ngày khoảng đầu tháng 6/2016, Y gọi điện thoại hẹn S đi chơi tại khu vực các cơ quan huyện Điện Biên làm việc (thuộc khu vực Pú Tửu, xã T, huyện Điện Biên). Khoảng 20 giờ vào ngày hẹn trong đầu tháng 6/2016, S đi xe mô tô biển kiểm soát 27F2-8552 đến đường đất gần ngã ba nhà khách UBND huyện Điện Biên gặp Y, S bảo Y ngồi lên sau xe mô tô của S, S chở Y đi chơi lòng vòng trên đường trong khối các cơ quan huyện Điện Biên rồi quay lại đường đất lúc trước đã gặp nhau và đến gần cột phát sóng VNPT thuộc đội 12, xã T, huyện Điện Biên. S dừng xe tại lề đường cùng Y ngồi trên xe nói chuyện, ôm hôn nhau, một lúc sau S rủ Y vào trong bãi cỏ gần cột phát sóng VNPT, Y và S cùng ngồi xuống nền cỏ nói chuyện và tiếp tục ôm, hôn nhau và quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục với nhau xong thì ai về nhà nấy.

Đến khoảng một tuần sau, S và Y lại hẹn gặp nhau ở cầu mương thuộc bản H, xã T, huyện Điện Biên cũng vào khoảng 20 giờ một ngày trong tháng 6/2016, S đi xe mô tô 27F2-8552 đến đón và đưa Y đi chơi lòng vòng tại đường đi trong khối cơ quan huyện Điện Biên, sau đó S và Y đi đến bãi cỏ giáp chân cột phát sóng VNPT lần trước và lại quan hệ tình dục với nhau. Y đồng ý, tự nguyện để S giao cấu với mình. Trong cả hai lần quan hệ tình dục giữa S với Y đều không sử dụng biện pháp tránh thai. S không biết Y sinh năm nào, bao nhiêu tuổi và cũng không biết việc Y có thai. Sau hai lần quan hệ tình dục với Y do đi làm ăn xa nên S không liên lạc hay gặp lại Y lần nào nữa.

Vào khoảng đầu tháng 9/2016, Quàng Thị Y và Lò Văn P1 quen nhau khi cùng đi chăn trâu tại bãi đất trống ở khu vực Pú Tửu, xã T, huyện Điện Biên. Vào một ngày khoảng giữa tháng 9/2016, Y sử dụng điện thoại nhắn tin rủ P1 đi chơi, P1 đồng ý và hẹn Y ra ngoài cổng nhà Y đợi P1 đến đón. Đến 20 giờ hôm đó, P1 sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 27F8-2380 đến gần cổng nhà Y đón và đưa Y đi chơi tại đường đi trong

khỏi các cơ quan huyện Điện Biên. Sau đó, P1 chở Y đi xuống đường đất vào bãi đất trống phía sau tường bao của Phòng khám đa khoa khu vực Pú Tũn thuộc đội 12, xã T, huyện Điện Biên ngồi chơi nói chuyện, ôm hôn rồi quan hệ tình dục với nhau.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 112/TD-PY ngày 22/12/2016 của Trung tâm y tế - Sở y tế tỉnh Điện Biên kết luận; Hiện tại Quàng Thị Y có thai trong buồng tử cung, tuổi thai khoảng 26 tuần, thai nhi phát triển bình thường.

Ngày 08/3/2017, Quàng Thị Y đã sinh 01 con gái nặng 2700 gam.

Bản kết luận giám định số 2386/C54(TT3) ngày 04/7/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát - Bộ Công an kết luận: Lường Văn S là cha đẻ của cháu bé do Quàng Thị Y sinh ra vào ngày 08/3/2017 với xác suất 99,98%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng giám định nêu trên.

Trong quá trình điều tra, bị cáo S đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tổn thất tinh thần cho bị hại. Ngày 02/8/2017, ông Lường Văn P (bố đẻ của bị cáo S), đã bồi thường cho bị hại số tiền 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng. Ngày 25/8/2017, bị cáo P1 đã bồi thường cho bị hại 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Bị hại đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo (có sự giám hộ của Quàng Thị H là người đại diện theo pháp luật cho bị hại). Không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ngoài ra Quàng Thị Y còn khai vào khoảng tháng 6/2016, Y còn quan hệ tình dục 04 lần với một người tên là Q tại nhà nghỉ Xuân Long thuộc đội 4, xã T, huyện Điện Biên. Do Y không biết họ tên đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ hay quan hệ nhân thân gì của Q. Qua điều tra xác minh tại nhà nghỉ Xuân Long vào tháng 6/2016 không có đối tượng nào tên Q, không có cơ sở để điều tra làm rõ, không đề cập giải quyết trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 219/QĐ-VKS-HS, ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố các bị cáo Lò Văn P1 theo khoản 1 Điều 115/BLHS và Lường Văn S theo điểm a, d khoản 2 Điều 115/BLHS về tội "Giao cấu với trẻ em" .

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 115/BLHS năm 1999 đối với bị cáo P1, điểm a, d khoản 2 Điều 115/BLHS năm 1999 đối với bị cáo S. Áp dụng Nghị quyết số: 41/2017; Điều 7, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 Xử phạt bị cáo S từ 36 tháng đến 42 tháng tù, xử phạt bị cáo P1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Áp dụng Điều 48/BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 590, 592/BLDS chấp nhận việc thỏa thuận giữa gia đình các bị cáo và gia đình người bị hại về việc bồi thường cho bị hại.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 tịch thu, tiêu hủy vật chứng là mẫu tóc, nước dãi của Lường Văn S, Lò Văn P1, Quàng Thị Y và của cháu bé do Quàng Thị Y sinh ra.

Áp dụng Điều 136/BLTTHS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. *Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận, các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.*

Tại phiên tòa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều trình bày ý kiến và Yêu cầu của bị hại và những người tham gia tố tụng khác là xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì hiện nay sức khỏe của bị hại cũng không bị ảnh hưởng gì, phát triển bình thường. Về phần bồi thường thì các bị cáo và gia đình các bị cáo đã tự thỏa thuận bồi thường rồi, không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo P1: Nhất trí với việc Viện sát truy tố bị cáo về tội danh. Người bào chữa cho rằng bị hại cũng có lỗi và mong HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được áp dụng Điều 47/BLHS năm 1999 và không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến đối đáp của VKS: Phân tích về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo biết ngày tháng năm sinh của bị hại, buộc bị cáo phải biết hành vi phạm tội là bị pháp luật nghiêm cấm, bị hại chưa thành niên, tâm sinh lý phát triển chưa đầy đủ, không khẳng định lỗi là do bị hại, đề nghị luật sư nói rõ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là hình phạt nào. VKS vẫn giữ nguyên quan điểm và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo P1 không có ý kiến gì bổ sung, đồng ý với ý kiến Luật sư.

Ý kiến của Luật sư bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Nhất trí với lời luận tội của VKS. Bị cáo P1 còn vi phạm luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX căn cứ theo pháp luật để xét xử nghiêm khắc đối với bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lương Văn S và Lò Văn P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đúng như nội dung bản cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai của các bị cáo đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Lương Văn S thừa nhận đã được quan hệ tình dục với Quàng Thị Y hai lần, mỗi lần quan hệ tình dục cách nhau khoảng một tuần, thời gian vào những đêm tháng 06 năm 2016 tại khu vực gần cột phát sóng VNPT thuộc đội 12, xã T, huyện Điện Biên. Bị cáo Lò Văn P1 công nhận được quan hệ tình dục với Quàng Thị Y một lần, thời gian vào một đêm tháng 9 năm 2016, tại khu vực Pú Tửu thuộc đội 12, xã T, huyện Điện Biên.

Các bị cáo và bị hại quan hệ tình dục với nhau hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, trước và sau khi quan hệ tình dục các bị cáo không hứa hẹn cho bị hại một thứ gì mà chỉ do các bị cáo nói là "**yêu**" bị hại nên bị hại đã đồng ý cho các bị cáo quan hệ tình dục. Các bị cáo quan hệ tình dục với mục đích để thỏa mãn tình dục, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Đối với bị cáo S (sinh năm 1994, chưa có vợ) trước và sau khi quan hệ tình dục không biết bị hại Quàng Thị Y là bao nhiêu tuổi, bị cáo với bị hại trước đó chưa gặp nhau lần nào, chỉ mới quen nhau trên mạng xã hội facebook, sau đó bị hại Y chủ động hẹn hò bị cáo S để tìm hiểu yêu đương theo phong tục người Tây Bắc (traí chưa vợ gái chưa chồng). Bị cáo S và bị hại Y chỉ gặp và đi chơi rồi quan hệ tình dục với nhau hai lần vào buổi tối, sau đó chia tay nhau do bị cáo S đi làm thuê ở xa, không gặp lại bị hại nữa và cũng không biết việc bị hại Y đã có thai. Từ khi bị cáo S và bị hại Y chia tay nhau, bị hại Y đã Yêu và quan hệ tình dục với một số người khác trong đó có cả bị cáo P1, một người tên là Q và sau đó bị hại có thai cũng không biết, cũng không biết mình có thai với ai. Vì bị hại yêu nhiều người, thời gian yêu cũng gần nhau, đến khi bị hại biết mình có thai thì thai đã lớn hơn 06 tháng tuổi. Bị cáo S không nhận thức được mình yêu và quan hệ tình dục với trẻ em vì bị cáo S không biết bị hại còn ít tuổi, bị cáo và bị hại mới quen qua mạng xã hội facebook và mới gặp nhau đúng hai lần, không hỏi tuổi nhau. Tuy bị hại Y tuy chưa đủ 16 tuổi, nhưng khi đó đã có chiều cao 1,58m và cân nặng 48kg. Việc bị hại Y có thai qua hai lần quan hệ tình dục với bị cáo S cũng nằm ngoài ý muốn của bị cáo và bị hại, từ lúc bị cáo quan hệ tình dục với bị hại xong thì hơn một năm sau bị cáo và bị hại mới biết là đứa con do bị hại sinh ra

là con của bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ xem xét những tình tiết trên khi lượng hình phạt đối với bị cáo S.

Đối với bị cáo P1 (sinh năm 1993, đã có vợ và 01 con) trước và sau khi quan hệ tình dục với bị hại Quảng Thị Y bị cáo biết Quảng Thị Y còn ít tuổi(sinh ngày 06/12/2000), do trước đó bị cáo P1 và bị hại Y đã gặp nhau, nhiều lần cùng đi chăn trâu cùng nhau. Bị cáo P1 nhận thức được hành vi quan hệ tình dục với trẻ em là vi phạm pháp luật. Song do không làm chủ được bản thân cho nên bị cáo đã phạm tội.

Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý theo quy định của pháp luật, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng của VKSND huyện Điện Biên truy tố bị cáo P1 theo khoản 1 Điều 115/BLHS năm 1999, bị cáo S theo điểm a, d khoản 2 Điều 115/BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của trẻ em, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của trẻ em.

Tính chất của tội phạm là nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Gia đình bị cáo S và bị cáo P1 đã bồi thường cho người bị hại, gia đình và người bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 đối với các bị cáo. Bị cáo S đã bị tạm giam được 06 tháng, hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là con lớn trong gia đình, còn em gái bị cáo đang đi học, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ bị cáo chỉ là nông dân làm ruộng bình thường. Nếu để bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ càng gặp rất nhiều khó khăn hơn. Bị cáo tuổi đời còn quá trẻ, phạm tội lần đầu và có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Để cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, HĐXX cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này có hai bị cáo đều được quan hệ tình dục với bị hại, nhưng hai bị cáo không bàn bạc gì với nhau và khi các bị cáo quan hệ tình dục với bị hại thì các bị cáo không nói với ai, thời điểm quan hệ với bị hại cũng khác nhau. Nên trong vụ án này không có đồng phạm, các bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình. HĐXX xét thấy nhân thân của các bị cáo đều tốt, các bị cáo có lai lịch và địa chỉ rõ ràng, tuổi đời còn trẻ, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, cùng với gia đình khắc phục một phần hậu quả bằng cách bồi thường xứng đáng cho bị hại, bị hại cũng xin giảm hình phạt cho các bị cáo. HĐXX thấy cần cho các bị cáo một cơ hội để làm lại cuộc

đời, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với người phạm, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ để các bị cáo trở thành người tốt.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra giữa gia đình bị cáo S, bị cáo P1 và gia đình người bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về phần bồi thường dân sự, tại phiên tòa không yêu cầu tòa án giải quyết việc bồi thường. Xét thấy, việc thỏa thuận trên phù hợp với Điều 48/BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 590, 592/BLDS nên HĐXX chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 tịch thu, tiêu hủy vật chứng là mẫu tóc, nước dãi của Lương Văn S, Lò Văn P1, Quàng Thị Y và của cháu bé do Quàng Thị Y sinh ra.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bẽ: Các bị cáo Lương Văn S và Lò Văn P1 phạm tội "Giao cầu với trẻ em".

2. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115/BLHS năm 1999, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 60/BLHS năm 1999. Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn S 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuY án 25/01/2018. Giao bị cáo cho UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên và gia đình bị cáo quản lý, giáo dục.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 115/BLHS năm 1999; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 60/BLHS năm 1999. Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn P1 12 (mười hai) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuY án 25/01/2018. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Điện Biên và gia đình bị cáo quản lý, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nh©n d©n cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nh©n d©n cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để gi,m s,t, gi,o dục.

4. Áp dụng: Khoản 4 Điều 328/BLTTHS năm 2015 tuY trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa.

5. Áp dụng: Điều 48/BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 590, 592/BLDS chấp nhận việc tự thỏa thuận giữa gia đình các bị cáo và gia đình người bị hại về việc bồi thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 tịch thu, tiêu hủy vật chứng là mẫu tóc, nước dãi của Lường Văn S, Lò Văn P1, Quàng Thị Y và của cháu bé do Quàng Thị Y sinh ra.

7. Áp dụng: Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH12 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

8. Các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuY án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Công an huyện DB;
- Nhà tạm giam, giữ;
- C.C. T.H.A.D.S huyện DB;
- P.H.S.N.V.C.A.tỉnh DB;
- Sơ tư pháp tỉnh DB;
- Bị cáo;
- UBND xó T, huyện DB;
- UBND xó Thanh An, huyện DB;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

